

-Bản án số: **11/2026/HNGĐ-ST**
-Ngày: 21/01/2026
- V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Hoàng Hoa**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Sỹ Đăng** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thảo Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Ngọc C**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Số Căn cước 082185014380 do **Bộ C1** cấp ngày 26/5/2025

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Số Căn cước công dân 082081018815 do **Cục C2** về TTXH cấp ngày 06/10/2022

Địa chỉ: **ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn **Đặng Thị Ngọc C** trình bày: Chị và anh **N** tự nguyện cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang** (nay là **Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 27/01/2010. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2019 giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng cũng đã nhiều lần

cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh, chị đã ly thân nhau từ tháng 3/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 01/02/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 26/4/2012. Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Bảo H; chị đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi Nguyễn Hoàng Bảo L; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị C trình bày anh, chị có tài sản chung, nợ chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Do bận đi làm nên chị có đơn xin vắng mặt.

** Tại bản tự khai, bị đơn Nguyễn Thanh N trình bày:*

Anh N đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 01/02/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 26/4/2012. Anh đồng ý để chị C được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Bảo H và anh tiếp tục nuôi Nguyễn Hoàng Bảo L; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh N có đơn xin vắng mặt.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Đặng Thị Ngọc C và anh Nguyễn Thanh N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 27/01/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị C xin ly hôn với anh N và anh N thường trú tại xã C,

tỉnh Đồng Tháp, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị C yêu cầu xin ly hôn với anh N vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh, chị đã ly thân nhau từ tháng 3/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị C yêu cầu ly hôn với anh N.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị C xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị C vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Trong bản tự khai, anh N cũng đồng ý ly hôn chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung:

Chị C và anh N có con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 01/02/2010 đang sống cùng anh N và Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 26/4/2012 đang sống cùng chị C. Anh N và chị C thống nhất để chị C được nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Bảo H và anh N được tiếp tục nuôi Nguyễn Hoàng Bảo L; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng Bảo L đang sống ổn định và có nguyện vọng sống cùng anh N và Nguyễn Ngọc Bảo H đang sống ổn định và có nguyện vọng sống cùng chị C. Do đó để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C và anh N, cụ thể: giao chị C được nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Bảo H và giao anh N được tiếp tục nuôi Nguyễn Hoàng Bảo L là phù hợp quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị **C** và anh **N** thống nhất trình bày anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này, anh, chị có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị **C** phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh **N** không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị **C** và anh **N** được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị Ngọc C**.

1. Về hôn nhân: Chị **Đặng Thị Ngọc C** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh N**.

2. Về con chung:

- Chị **Đặng Thị Ngọc C** được quyền trực tiếp nuôi con chung tên **Nguyễn Ngọc Bảo H**, sinh ngày 26/4/2012;

- Anh **Nguyễn Thanh N** được quyền trực tiếp nuôi con chung tên **Nguyễn Hoàng Bảo L**, sinh ngày 01/02/2010;

- Chị **Đặng Thị Ngọc C** và anh **Nguyễn Thanh N** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị **Đặng Thị Ngọc C** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003718, ký hiệu BLTU/25E ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị **C** đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị **C** và anh **N** được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Lương Hòa Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn

Phạm Văn Tài

